

4

VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA

VĂN HÓA KITÔ GIÁO VỚI XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI HIỆN ĐẠI

TS. TRỊNH MINH THÁI *

TÓM TẮT

Kitô giáo là tôn giáo xuất hiện và tồn tại dựa trên học thuyết triết học mang tên Người sáng lập ra nó là Kitô Giêsu. Vốn xuất hiện ở phương Đông, Kitô giáo đã trở thành tôn giáo của đại bộ phận loài người ở phương Tây, sau đó được truyền bá rộng rãi ra nhiều khu vực trên khắp thế giới. Cho tới nay, với tư cách một trong ba tôn giáo lớn của thế giới, Kitô giáo vẫn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến lối sống của hàng tỉ tín đồ trên khắp hành tinh, đến chính sách của nhiều đảng phái cầm quyền ở các quốc gia đi theo Kitô giáo. Vì vậy việc nắm bắt thái độ của Kitô giáo đối với những vấn đề then chốt của xã hội loài người hiện đại có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình hội nhập và hoạch định chính sách đối ngoại, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa.

Từ khóa: Kitô giáo, văn hóa, văn hóa Kitô giáo, tôn giáo, khoa học, đạo đức, những vấn đề toàn cầu.

Nhận bài: 28/8/2024; đưa vào quy trình biên tập 22/9/2024; duyệt đăng 25/4/2025.

1. MỞ ĐẦU

Để làm sáng tỏ vấn đề đặt ra, trước tiên cần khái quát vai trò của Kitô giáo đối với các truyền thống văn hóa lớn trên thế giới, đặc biệt là văn hóa phương Tây - không gian chịu ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài từ tôn giáo này. Cùng với chủ nghĩa duy lý (biểu tượng là Apollo) và chủ nghĩa duy mỹ (biểu tượng là Dionysos), Kitô giáo là một trong ba “chân đế” tạo nên nền tảng tư tưởng và tinh thần của văn minh phương Tây. Mặc dù văn hóa phương Tây phát triển rực rỡ từ nhiều nguồn khác nhau - như triết học Hy Lạp, nghệ thuật cổ điển, văn học trào phúng của Rabelais và Erasmus, hay khoa học hiện đại từ Kopernik và Galilée - trong đó không ít yếu tố từng đối lập và thậm chí

chống lại Kitô giáo, thì ảnh hưởng của Kitô giáo đến hệ thống tư duy, giá trị và hình thức biểu đạt văn hóa phương Tây là điều không thể phủ nhận. Kinh Thánh, các biểu tượng và cốt truyện tôn giáo đã chi phối nghệ thuật tạo hình châu Âu trong nhiều thế kỷ, từ hội họa đến điêu khắc và kiến trúc. Những công trình kiến trúc vĩ đại nhất của phương Tây - các thánh đường - được xây dựng để ngợi ca Thiên Chúa và uy quyền của Giáo hội. Âm nhạc nhà thờ, với các bản tấu khúc và thánh ca của Bach, cũng như các hình thức đồng ca trong nghi lễ phụng vụ, đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của truyền thống âm nhạc cổ điển phương Tây.

Kitô giáo, do đó, không chỉ là một tôn giáo, mà còn là trụ cột văn hóa - góp phần định hình

phong cách tư duy, biểu tượng nghệ thuật và cấu trúc đạo đức của phương Tây suốt nhiều thế kỷ. Dĩ nhiên, âm nhạc và thánh ca cũng bắt nguồn từ văn hóa dân gian, nhưng tất cả những gì do chúng tạo ra chứa đầy vẻ đẹp hoành tráng, cũng được sử dụng để ca ngợi Chúa, để củng cố niềm tin” [9, tr.14].

Trong suốt hàng nghìn năm, các dụ ngôn, hình tượng, cốt truyện và khái niệm hàm súc trong Kinh Thánh đã góp phần hình thành và nuôi dưỡng hệ thống trực quan, tiêu chuẩn đạo đức và khái niệm đánh giá của con người phương Tây. Chúng tạo nên nền tảng cho cách con người nhìn nhận thế giới, bản thân, và các mối quan hệ xã hội. Những giáo lý cốt lõi của Hội Thánh - như vâng phục, chịu đựng, và sự đền bù ở thế giới bên kia - đã định hình quan niệm phổ biến trong dân chúng về tính tất yếu và tính thiêng liêng của trật tự hiện hữu. Trong quan điểm đó, sự bất công hay đau khổ trần thế được chấp nhận như một phần của kế hoạch thiêng liêng, với niềm hy vọng vào sự cứu rỗi trong ngày phán xét cuối cùng và sự tái lâm của Chúa Giêsu. Trước thời điểm ấy, con người được khuyến khích sống trong cam chịu và giữ vững đức tin vào phần thưởng ở Nước Trời. Tóm lại, trong suốt nhiều thế kỷ, thậm chí hàng thiên niên kỷ, những chuẩn mực sinh hoạt và đạo đức, những quan niệm và liên tưởng, những truyền thống văn hóa và những tác phẩm văn học - tất cả đều đã hình thành dưới tác động mạnh mẽ của Hội Thánh Kitô [7].

2. KITÔ GIÁO VỚI CÁC TRUYỀN THỐNG TÔN GIÁO PHƯƠNG TÂY VÀ PHƯƠNG ĐÔNG

Ảnh hưởng của Hội Thánh Kitô giáo đối với văn hóa và đời sống xã hội ở châu Âu không đồng nhất, mà có sự khác biệt rõ rệt giữa Tây Âu và Đông Âu. Tại Tây Âu, sự phản đối quyền lực tuyệt đối của Giáo hội đã dẫn đến phong trào Cải cách tôn giáo từ thế kỷ XVI, mở đường cho tư tưởng chống giáo quyền và sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa thế tục - vốn vận hành bên ngoài ảnh hưởng của tôn giáo truyền thống. Quá trình

này góp phần thúc đẩy cá nhân hóa đức tin và sự phân tách giữa không gian chính trị và tôn giáo. Ngược lại, ở Đông Âu, Giáo hội có xu hướng gắn bó chặt chẽ với nhà nước, hình thành một cấu trúc quyền lực mang tính bảo thủ và được thần thánh hóa, qua đó duy trì ảnh hưởng sâu rộng và bền vững hơn trong xã hội. Do đó, cải cách tôn giáo ở khu vực này gặp nhiều cản trở hơn. Minh chứng tiêu biểu là trường hợp nước Nga dưới thời Pie Đại đế. Để tiến hành cải cách toàn diện, ông buộc phải thay đổi cấu trúc tôn giáo bằng cách bãi bỏ chế độ Giáo trưởng và thiết lập “Thánh vụ viện” - một cơ quan tôn giáo đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của hoàng đế, phục vụ cho chương trình hiện đại hóa đất nước theo mô hình phương Tây.

Tại phương Đông, sự truyền bá và tồn tại của Kitô giáo mang những đặc thù riêng biệt. Ngoài Giáo hội Nga, các Giáo hội Chính thống giáo bị giới hạn ảnh hưởng do sự chi phối của thế giới Hồi giáo, nên không có tác động sâu rộng đến văn hóa khu vực. Tác động tinh thần của Chính thống giáo chủ yếu tập trung vào người Hy Lạp, một bộ phận người Slav miền Nam, người Rumania - những cộng đồng từng nằm dưới ảnh hưởng của Đế chế Byzantine trước khi bị Đế chế Ottoman thống trị từ thế kỷ XV - và một số nhóm Kitô hữu thiểu số tại Ethiopia, Liban, Ai Cập.

Mặc dù các giáo trưởng ở Alexandria, Constantinople và Jerusalem có uy tín nhất định, quyền lực thực tế của họ lại rất hạn chế. Các cuộc Thập tự chinh (thế kỷ XI -XIII) từng giúp Công giáo chiếm đóng tạm thời Jerusalem và cả Constantinople, nhưng không tạo được ảnh hưởng bền vững tại Cận Đông hay Đông Âu. Trong khi đó, Chính thống giáo đạt được một số kết quả ở Grudia (Georgia), nhưng cũng không thể tiến xa hơn về phía Đông. Ngược lại, chỉ có một số giáo phái bị coi là "dị giáo", đặc biệt là Nestorianisme (Cảnh giáo) - một nhánh tách ra từ thế kỷ V do giám mục Nestorius ở Constantinople khởi xướng - mới có thể truyền bá sâu rộng hơn tại phương Đông. Sau khi bị đàn áp, tín đồ Cảnh giáo di cư

về phía Đông, thiết lập các cộng đồng Kitô giáo tại Iran, Mông Cổ và Trung Quốc. Mặc dù không trở thành tôn giáo chi phối tại các quốc gia này, nhưng Cảnh giáo vẫn được một số nhà cầm quyền quan tâm và bảo trợ, duy trì ảnh hưởng trong nhiều thế hệ.

Kitô giáo đã đóng một vai trò nhất định trong việc hình thành một số trào lưu tôn giáo ở Trung Đông [3, tr. 200, 240], thí dụ như đạo Thiện-Ác (Mazdaisme) ra đời vào thế kỷ III trên cơ sở kết hợp Zoroastrisme (bái Hỏa giáo) cổ với Kitô giáo. Từ thế kỷ III - IV, Kitô giáo và các tôn giáo chịu ảnh hưởng từ nó, như Mazdaisme, đã lan rộng đến Cận Đông, Trung Quốc và Ấn Độ. Mazdaisme kết hợp tư tưởng nhị nguyên của Zoroastrisme và yếu tố binh quân của Kitô giáo nguyên thủy, từng trở thành quốc giáo ngắn hạn ở vương quốc Uigua trước khi bị Hồi giáo lấn át.

Phong trào truyền giáo Kitô giáo phát triển mạnh từ thế kỷ XVI - XVIII, lan rộng sang châu Á, châu Phi và châu Đại Dương, song song với quá trình khai phá thuộc địa. Tại Nam Mỹ, Công giáo được củng cố vững chắc, còn tại phương Đông, Kitô giáo gặp trở lực do sức đề kháng của các truyền thống văn hóa bản địa như ở Trung Quốc, Ấn Độ. Dù ít thành công về mặt tôn giáo tại các nền văn minh lớn, Kitô giáo đã góp phần truyền bá văn minh phương Tây. Ở Đông Nam Á - nơi truyền thống bản địa mỏng hơn - Kitô giáo có ảnh hưởng rõ nét hơn trong xã hội và văn hóa. Ngày nay, Kitô giáo là một tôn giáo toàn cầu, giữ vị trí chi phối ở châu Âu và châu Mỹ, có ảnh hưởng lớn ở châu Phi và châu Đại Dương, đồng thời cũng hiện diện nhất định tại nhiều khu vực châu Á, dù ở phương Đông, mức độ phổ biến vẫn còn hạn chế, song dù sao ở phương Đông, Kitô giáo vẫn phổ biến ít hơn cả [8, tr. 12- 69].

3. KITÔ GIÁO VỚI KHOA HỌC NHƯ MỘT HIỆN TƯỢNG BIỂU HIỆN RÕ NHẤT VĂN HÓA THẾ TỤC CỦA LOÀI NGƯỜI

Một trong những tranh luận nổi bật từ thời cận hiện đại đến nay là mối quan hệ giữa

Kitô giáo và khoa học - hai lĩnh vực đại diện cho đời sống tâm linh và đời sống thế tục của con người. Khoa học, với khả năng giải thích thế giới tự nhiên và cải thiện đời sống vật chất, đã góp phần củng cố tư duy thế tục và quản trị xã hội theo hướng lý tính. Trong khi đó, Kitô giáo, như các tôn giáo khác, hướng con người đến thế giới siêu việt và các giá trị tinh thần. Sự phát triển vượt bậc của khoa học khiến nhiều người tin rằng nhân loại có thể tự giải thích và kiểm soát cuộc sống mà không cần đến đức tin tôn giáo - điều mà Nietzsche từng mô tả là "cái chết của Thiên Chúa". Câu hỏi "Khoa học hay Chúa?" không chỉ phản ánh mâu thuẫn triết học mà còn đặt ra định hướng bản thể cho đời sống hiện đại của con người. Nhiều tư tưởng gia xuất phát từ sự suy thoái của một bộ phận giáo chức Kitô đã lên án Kitô giáo, đòi hỏi thay thế nó bằng Khoa học [6, tr. 16 - 29].

Việc tìm hiểu thái độ của Kitô giáo đối với khoa học - "đối thủ" từng bị xem là đối lập - có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc trong xã hội hiện đại. Bởi lẽ, khoa học không chỉ là thành tựu vĩ đại của nhân loại trong việc cải thiện đời sống vật chất, mà còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến thế giới quan và nhân sinh quan của con người. Tuy nhiên, nhiều nhà thần học Kitô giáo nhấn mạnh rằng, sự phát triển của khoa học cũng đặt ra những vấn đề nền tảng đối với tương lai loài người, nhất là trong bối cảnh khủng hoảng giá trị. Cách mạng khoa học - kỹ thuật và công nghệ khiến xã hội ngày càng thế tục hóa, kéo theo sự suy giảm vai trò của tôn giáo trong đời sống tinh thần - một biểu hiện của khủng hoảng văn hóa sâu sắc. Thế giới quan khoa học thường được đối lập với thế giới quan tôn giáo như chân lý đối lập với sai lầm. Song, các nhà thần học Kitô giáo lập luận rằng, chính những thách thức toàn cầu hiện nay - phần lớn gắn với hệ quả của khoa học kỹ thuật - cho thấy khoa học không phải là toàn năng, càng không thể tự vận hành một cách biệt lập khỏi hệ giá trị đạo đức và tâm linh. Hiện nay đã xuất hiện khả năng để chứng minh sự nhầm nhí của việc đem khoa học như nhân tố thúc đẩy tiến bộ đối lập với tôn giáo như nhân tố cản trở tiến bộ ấy [1, tr. 11- 28].

Trước những biến đổi sâu sắc do tiến bộ khoa học - kỹ thuật và sự gia tăng các vấn đề toàn cầu, các nhà thần học Kitô giáo ngày càng quan tâm đến vai trò của khoa học trong xã hội và hệ quả văn hóa - tinh thần mà nó mang lại. Họ chia sẻ mối lo ngại chung về khủng hoảng giá trị tinh thần trong thế giới hiện đại và coi việc phục hồi chiều kích tâm linh trong đời sống con người là một sứ mệnh cấp thiết của Kitô giáo. Theo đó, tôn giáo cần gắn bó mật thiết hơn với thực tiễn xã hội và tri thức khoa học. Dù khác biệt về lập trường thần học - từ bảo thủ đến cấp tiến - các nhà thần học đều thống nhất ở một điểm: cần xây dựng đối thoại mang tính xây dựng giữa tôn giáo và khoa học. Kitô giáo cần thể hiện sự tôn trọng đối với khoa học và khẳng định rằng đức tin không đối lập với tri thức, mà là một hành trình tìm kiếm chân lý. Khi con người khám phá thế giới do Thiên Chúa tạo ra, họ đồng thời đào sâu hiểu biết về chính Đấng Sáng Thế - qua đó, khoa học và đức tin có thể đồng hành trong việc làm giàu đời sống con người. Nhờ đó, tri thức khoa học có thể góp phần điều chỉnh những hiểu lầm về Thiên Chúa, vai trò của Ngài trong vũ trụ, cũng như mối quan hệ giữa con người với đức tin. Ngoài ra, nhu cầu tự nhận thức, xác định địa vị của mình trong thế giới của con người chỉ có thể được đáp ứng nhờ tích hợp tôn giáo với khoa học [5, tr. 40 - 56].

Từ lập trường đối thoại, nhiều nhà thần học Kitô giáo đã nỗ lực xem xét lại lịch sử đầy xung đột giữa Kitô giáo và khoa học, đồng thời đề xuất những cách tiếp cận mới nhằm thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau. Dù thừa nhận rằng nhiều nhà khoa học có niềm tin tôn giáo, họ vẫn nhìn nhận mối quan hệ giữa hai lĩnh vực là một chuỗi mâu thuẫn kéo dài, với nguyên nhân chưa được thống nhất: từ việc diễn giải sai Kinh Thánh, sự khác biệt về phương pháp luận, đến việc cả hai bên vượt quá phạm vi thẩm quyền của mình.

Một rào cản lớn hiện nay là sự thiếu nhất quán trong chính nội bộ thần học: chưa rõ ràng về giới hạn tiếp nhận khoa học, cũng như cách hiểu về bản chất và đối tượng của thần học.

Điều này cho thấy bản thân thần học cần một cuộc "tự cải cách" để có thể đối thoại hiệu quả hơn với khoa học hiện đại.

Ảnh hưởng của chủ nghĩa thực chứng cũng làm xuất hiện một trào lưu thần học thế tục mới, tập trung vào những vấn đề con người có thể kiểm chứng, đồng thời loại bỏ yếu tố siêu việt và các giáo lý mâu thuẫn như sự phục sinh của Chúa Giêsu. Quan điểm này vấp phải phản ứng mạnh từ các nhà thần học truyền thống, vốn cho rằng đức tin chân chính không thể tách rời niềm hy vọng vào Thiên Chúa và vai trò của Ngài trong vũ trụ.

Cùng với sự biến đổi về phương pháp luận, các quan điểm thần học hiện đại về bức tranh thế giới trong Phúc Âm cũng trở nên đa dạng. Có thể nhận diện ba khuynh hướng chính: Khuynh hướng bảo thủ: Khẳng định tính chính xác tuyệt đối của văn bản Phúc Âm, không cần giải mã biểu tượng hay diễn giải lại nội dung; Khuynh hướng trung dung (phổ biến nhất): Không chủ trương hiểu nguyên văn các câu chuyện về Sáng Thế, nhưng cho rằng cách lý giải của Kinh Thánh về nguồn gốc và trật tự thế giới vẫn mang tính thỏa đáng và giá trị thần học sâu sắc; Khuynh hướng phê phán: Cho rằng các câu chuyện trong Phúc Âm phản ánh một giai đoạn lịch sử - văn hóa nhất định trong tiến trình phát triển của loài người, chứ không phải thực tại lịch sử hay vũ trụ học. Những quan điểm trên phản ánh nỗ lực của thần học hiện đại trong việc điều chỉnh cách hiểu truyền thống, nhằm thích ứng với bối cảnh văn hóa - khoa học đương đại mà không đánh mất cốt lõi đức tin Kitô giáo. Quan điểm đó cản trở đáng kể các nhà thần học Kitô giáo đưa ra một lập trường thống nhất về các lý thuyết khoa học và khoa học nói chung [4, tr.68 - 82].

Các nhà thần học Kitô giáo hiện đại có nhiều quan điểm khác nhau về mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo. Một số xem đây là hai lĩnh vực văn hóa độc lập, không cạnh tranh và không phụ thuộc lẫn nhau. Nhóm khác cho rằng chính vì sự khác biệt phương pháp luận nên cần tích hợp cả hai để xây dựng một thế giới quan toàn diện. Quan điểm

thứ ba nhấn mạnh các điểm tương đồng, từ đó đề xuất khả năng phối hợp nhằm kiến tạo một bức tranh thống nhất về thế giới.

Dù có sự phân hóa, các nhà thần học đều thống nhất rằng phân tích phương pháp luận của cả hai lĩnh vực là thiết yếu để thúc đẩy đối thoại. Từ thế kỷ XX, một khuynh hướng thần học mới đã tập trung làm rõ đặc điểm lý luận và nhận thức luận của khoa học và tôn giáo. Theo đó, khoa học tiếp cận thế giới qua quan hệ nhân quả, trả lời câu hỏi “cái gì” và “như thế nào”, trong khi tôn giáo tập trung vào “tại sao” và “để làm gì” - những câu hỏi về ý nghĩa và mục đích. Phương pháp khoa học mang tính khách quan, mô hình hóa; còn tôn giáo thiên về trải nghiệm nhân vị và chiều sâu hiện sinh.

Cả hai đều là hệ thống tri thức có tính kế thừa, dựa vào truyền thống, ảnh hưởng mạnh đến nhân sinh quan. Tôn giáo, cũng như khoa học, không ngừng vận động: từ hình dung Thiên Chúa như đấng quân vương thời trung cổ, đến người thợ cơ khí thời cận đại, và hiện nay là một hình ảnh phù hợp với quan niệm tiến hóa và thế giới mở.

Dù từng bị phân tách sâu sắc, ngày nay nhiều nhà thần học cho rằng, hoàn toàn có thể xây dựng một thế giới quan thống nhất, nơi chân lý được tiếp cận qua cả lý trí và đức tin. Điều đó đòi hỏi sự công nhận tính đa dạng trong trải nghiệm và phương pháp nhận thức - một hướng đi khả thi và cần thiết trong bối cảnh hiện đại. Do vậy, thần học và khoa học cần phải cùng nhau, nhờ các phạm trù triết học chung, tham gia vào việc hình thành một thế giới quan toàn vẹn [1, tr.138 - 140].

4. KITÔ GIÁO VỚI NHỮNG VẤN ĐỀ TOÀN CẦU

Nhân loại ngày nay đang đối mặt với những vấn đề toàn cầu đe dọa đến chính sự sống trên Trái Đất, phần lớn bắt nguồn từ việc con người sử dụng sai lệch các thành tựu khoa học - công nghệ. Thái độ đối với những vấn đề này phản ánh thái độ đối với giá trị cốt lõi nhất: sự sống. Vì vậy, Kitô giáo không thể đứng ngoài cuộc, nhất là khi toàn

cầu hóa đang tác động sâu sắc đến đời sống và số phận con người hiện đại.

Quan điểm của Kitô giáo về toàn cầu hóa và các vấn đề toàn cầu gắn chặt với những thách thức xã hội cấp bách như: phân hóa giàu - nghèo, nghèo đói lan rộng, suy giảm đời sống tinh thần. Nhiều nhà thần học nhìn nhận đây là biểu hiện của cuộc khủng hoảng xã hội hiện đại, đồng thời nhấn mạnh vai trò của Kitô giáo trong việc phục hồi niềm tin, nâng cao đạo đức và ý thức cộng đồng. Họ cho rằng một nguyên nhân sâu xa của khủng hoảng là sự suy giảm quyền uy của tôn giáo và sự thờ ơ của con người hiện đại với đức tin.

Thế giới hiện đại đang bị chi phối bởi nhịp sống căng thẳng, văn hóa đại chúng, sản xuất phi nhân tính và tình trạng nghèo khổ tuyệt đối. Những yếu tố này góp phần hình thành chủ nghĩa vị kỷ thiển cận, khiến con người chỉ lo sinh tồn cá nhân mà thờ ơ với các vấn đề toàn cầu. Ở các nước đang phát triển, sự thiếu hụt nguồn lực và chuyên gia buộc người dân phải ưu tiên các nhu cầu cơ bản; còn ở các nước phát triển, lợi ích riêng thường lấn át trách nhiệm chung.

Trên nền thực trạng đó, một số nhà thần học Kitô giáo phê phán khoa học hiện đại vì phần lớn phục vụ lợi ích của các quốc gia giàu có, đồng thời làm gia tăng bất bình đẳng toàn cầu mà không cải thiện đời sống người nghèo. Họ cảnh báo về thái độ ngạo mạn của con người hiện đại - xem mình là chủ thể tối cao, can thiệp vào tự nhiên mà thiếu suy xét hậu quả.

Dù Kitô giáo đôi khi bị quy kết là nguồn gốc của tư tưởng khai thác thiên nhiên, nhiều nhà thần học bác bỏ điều này qua ba luận điểm: Việc khai thác thiên nhiên đã có từ trước Kitô giáo; Tác động của khoa học - kỹ thuật đến môi trường xảy ra ở cả quốc gia Kitô giáo và phi Kitô giáo; Giáo lý Kitô nhấn mạnh trách nhiệm gìn giữ, chứ không cổ vũ thống trị thiên nhiên. Theo họ, gốc rễ của các vấn đề toàn cầu không nằm ở tôn giáo, mà ở mô hình phát triển chính trị, xã hội và văn hóa hiện đại. Với hệ giá trị nhân văn sâu sắc, Kitô giáo có thể và cần góp phần vào việc

xây dựng một thế giới công bằng, bền vững và có trách nhiệm với sự sống.

Các vấn đề toàn cầu ngày nay gắn chặt với tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Tuy nhiên, theo nhiều nhà thần học Kitô giáo, không thể quy toàn bộ trách nhiệm cho bản thân khoa học. Mặc dù khoa học góp phần vào các hệ quả tiêu cực, nhưng nguyên nhân cốt lõi không nằm ở bản chất khoa học, mà ở cách xã hội sử dụng nó.

Khoa học hiện đại vận hành trong một hệ thống xã hội: được tài trợ, định hướng và giám sát bởi các thể chế quyền lực. Do đó, xã hội đóng vai trò quyết định trong việc lựa chọn mục tiêu nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học. Thêm vào đó, nhiều kết quả nghiên cứu không được áp dụng ngay và thường vượt ra khỏi tầm kiểm soát trực tiếp của các nhà khoa học. Vì vậy, không thể buộc họ phải chịu toàn bộ trách nhiệm về hậu quả thực tiễn. Dù vậy, các nhà thần học Kitô giáo vẫn nhấn mạnh rằng giới khoa học cần có trách nhiệm đạo đức sâu sắc trước nhân loại, tự nhiên và văn hóa. Tuy nhiên, trách nhiệm lớn nhất thuộc về những người nắm quyền - các chính phủ, tập đoàn và thiết chế lãnh đạo. Chính họ là những người quyết định việc ứng dụng khoa học vào thực tế.

Do đó, điều cốt yếu là xã hội phải xây dựng được cơ chế giám sát quyền lực một cách hiệu quả. Theo các nhà thần học, muốn giải quyết tận gốc mối quan hệ giữa khoa học và các hệ quả toàn cầu, cần cải cách chính trật tự xã hội - nơi khoa học được triển khai - để bảo đảm rằng khoa học phục vụ cho lợi ích chung, bền vững và công bằng của toàn nhân loại. Theo các nhà thần học, sự tập trung quyền lực, sự phi nhân văn hóa con người không phải là hệ quả tất yếu của tiến bộ khoa học - kỹ thuật [2, tr. 400 - 442].

Theo nhiều nhà thần học Kitô giáo, những hậu quả tiêu cực trong việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật không chỉ bắt nguồn từ bản thân khoa học, mà còn từ việc xã hội hiện đại ngày càng khước từ tôn giáo. Khi tách rời tôn giáo khỏi đời sống, khoa học và quyền lực dễ mất phương hướng đạo đức, còn hành vi con người thiếu đi nền tảng nhân văn. Trong bối cảnh đó,

khoa học có nguy cơ trở thành công cụ gây hại thay vì phục vụ cho con người. Từ nhận định này, các nhà thần học đề xuất rằng Giáo hội cần được nhìn nhận như một thiết chế xã hội quan trọng, có vai trò định hướng đạo đức và nhân văn cho tiến bộ khoa học. Một trong những cách thiết thực để thực hiện điều đó là khơi dậy và phát huy di sản tôn giáo - với hệ giá trị bền vững xuyên suốt đời sống cá nhân và cộng đồng - nhằm tái lập sự cân bằng giữa Chúa, con người và tự nhiên.

Tư tưởng ngày càng phổ biến trong thần học v hiện đại là: sự sáng thế của Thiên Chúa không phải là một sự kiện kết thúc, mà là một quá trình sáng tạo liên tục. Thế giới luôn biến đổi, tiến hóa với sự tương tác giữa ngẫu nhiên và quy luật, trong đó con người ngày càng có vai trò chủ động. Trên nền tảng tri thức và phát triển xã hội hiện nay, con người được mời gọi trở thành “trợ thủ của Thiên Chúa” trong công cuộc gìn giữ và phát triển thế giới - không phải bằng cách thống trị và khai thác, mà bằng thái độ nâng đỡ và cộng tác với công trình sáng tạo. Chính vì vậy, thần học hiện đại đặc biệt quan tâm đến những lĩnh vực khoa học can thiệp sâu vào bản thể con người - như sinh học, nhân bản, công nghệ biến đổi gene - và đặt ra những câu hỏi đạo đức nền tảng: con người là ai? Có thể thay đổi điều gì mà không đánh mất bản chất đã được Thiên Chúa định hướng?



5. KẾT LUẬN

Hiện nay, trong điều kiện thế giới phát triển năng động, trong thời đại cách mạng khoa học - kỹ thuật, loài người phải gánh vác một sứ mệnh đặc biệt - đảm bảo sự sống của bản thân mình và không cho phép huỷ diệt thế giới bao quanh. Con người đứng trước sự lựa chọn - làm cho hoạt động của nó hài hoà với thế giới do Chúa tạo ra hoặc làm cho thế giới ấy hỗn loạn thêm. Tương lai của loài người và của toàn bộ vũ trụ phụ thuộc vào con đường mà nó sẽ đi theo. Việc lựa chọn con đường này phụ thuộc đáng kể vào các định hướng thế giới quan và đạo đức của con người. Và, ở đây sẽ nảy sinh vấn đề về sự cần thiết phải liên minh giữa tôn giáo và khoa học. Đây là vấn đề làm cho hàng loạt nhà khoa học, nhà tư tưởng lớn nhất thời hiện đại (A.Einstein, Ch.Pierce, Moiseev, v.v.) phải quan tâm sâu sắc và đưa ra những giải pháp rất độc đáo. Nó trở thành đề tài cho các cuộc tranh luận về thái độ của chúng ta, với tính cách đại diện cho thời hậu hiện đại, đối với di sản tinh thần của thời hiện đại như thời đại khởi đầu của khoa học và kỹ thuật. 1.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Collected Papers of Charles Sanders Pierce: vol. I-VIII [Edited by Charles Hartshorne and Paul Weiss. Harvard University Press, 1931-1960, t. VI.
2. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007): *Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Đỗ Minh Hợp (2006): *Tôn giáo phương Đông*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Lm. Phêrô S.J. Nemeshegy (2008): *Ý nghĩa của Kitô giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Robert Banks (Lm. Giuse Nguyễn Đình Dương, Maria Diệp Kim Hoàn dịch) (2014): *Phải chăng con người tạo ra Thiên Chúa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. R. Gvardini (1990): *Sự cáo chung của thời cận hiện đại*, Maiz.
7. Nguyễn Công Oánh (2016): *Nhân học xã hội Kitô giáo và vai trò của nó trong đời sống của người Công giáo Việt Nam* (LATS, bảo vệ tại Hà Nội).
8. Tân lịch sử Giáo hội (2012): *gồm 5 tập*, t. 4. Paris.
9. Thần học trong văn hóa trung cổ, Kiev (1993).

